

Bản án số: 129/2024/DS-ST

Ngày: 12-8-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2024/TLST-TCDS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST-TCDS ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/QĐST-TCDS ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm F, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết khi cần tiền chị Trần Thị T có đến nhà chị N hỏi vay tiền. Do tin tưởng nên chị N có cho chị T vay tiền nhiều lần. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 10/3/2019 chị N cho chị T vay 100.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 26/3/2019, chị N cho chị T vay 100.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 13/6/2019, chị N cho chị T vay 50.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 27/6/2019, chị N cho chị T vay 100.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 20/7/2019, chị N cho chị T vay 100.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 07/9/2019, chị N cho chị T vay 50.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 22/9/2019, chị N cho chị T vay 30.000.000 đồng.

Lần 8: Ngày 24/9/2019, chị N cho chị T vay 200.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị N cho chị T vay là 730.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi triệu đồng). Quá trình vay, chị T đã trả cho chị N được 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Khi cần tiền chị N có đến đòi nợ chị T nhiều lần thì chị T lấy lý do khó khăn không trả nợ cho chị N và viết cho chị giấy ghi nhận nợ hứa sẽ thu xếp trả nợ cho chị trong thời gian ngắn nhưng sau đó chị T vẫn không trả nợ cho chị số tiền đã vay. Hiện nay chị N không liên lạc được với chị T.

Do vậy, chị N làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị Trần Thị T phải có trách nhiệm trả cho chị N số tiền nợ vay gốc là 590.000.000đ, không yêu cầu lấy lãi.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho chị Trần Thị T theo quy định pháp luật. Do chị Trần Thị T không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã đăng thông tin tìm kiếm chị Trần Thị T trên các phương tiện thông tin đại chúng gồm: Đăng thông tin tìm kiếm trên B 3 số liên tiếp 47,48 và số báo gộp 49+50 ra các ngày 12/6, 14/6 và 19/6/2024; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 14, 15, 16 tháng 6 năm 2024 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án về việc chị Hoàng Thị N có đơn khởi kiện chị Trần Thị T về việc trả khoản vay nợ nhưng đến nay chị Trần Thị T không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị N. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không hợp tác làm việc với Tòa án, chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị N; buộc chị

Trần Thị T trả cho chị **Hoàng Thị N** số tiền nợ 590.000.000đ (Năm trăm chín mươi triệu đồng). Bị đơn phải nộp án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Hoàng Thị N** khởi kiện yêu cầu chị **Trần Thị T** trả nợ tiền vay. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Hoàng Thị N** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị **Trần Thị T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[3.1] Về số nợ gốc: Theo lời khai của chị **Hoàng Thị N**: Do quen biết nên chị **N** cho chị **T** vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 730.000.000 đồng không xác định thời hạn vay. Sau đó, chị **T** đã trả được chị **N** 140.000.000 đồng và còn nợ lại 590.000.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là bản gốc giấy biên nhận viết tay ghi nhận việc chị **T** vay tiền chị **N**, cụ thể: Ngày 10/3/2019 chị **N** cho chị **T** vay 100.000.000 đồng; Ngày 26/3/2019, chị **N** cho chị **T** vay 100.000.000 đồng; Ngày 13/6/2019, chị **N** cho chị **T** vay 50.000.000 đồng; Ngày 27/6/2019, chị **N** cho chị **T** vay 100.000.000 đồng; Ngày 20/7/2019, chị **N** cho chị **T** vay 100.000.000 đồng; Ngày 07/9/2019, chị **N** cho chị **T** vay 50.000.000 đồng; Ngày 22/9/2019, chị **N** cho chị **T** vay 30.000.000 đồng; Ngày 24/9/2019, chị **N** cho chị **T** vay 200.000.000 đồng

Quá trình vay, chị **T** đã trả cho chị **N** được 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Bị đơn mặc dù đã được thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bằng các hình thức tổng đạt niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng, do chị **Trần Thị T** không có mặt ở địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã đăng thông tin tìm kiếm chị **Trần Thị T** trên các phương tiện thông tin đại chúng gồm: Đăng thông tin tìm kiếm trên B 3 số liên tiếp 47,48 và số báo gộp 49+50 ra các ngày 12/6, 14/6 và 19/6/2024; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 14, 15, 16 tháng 6 năm 2024 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án về việc chị **N** có đơn khởi kiện chị **Trần Thị T** về việc trả nợ tiền vay đã viết giấy ghi nhận nợ

nhưng đến nay chị **T** không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị **R**; không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[3.2] Như vậy có cơ sở xác định giữa chị **Hoàng Thị N** và chị **Trần Thị T** đã có giao dịch hợp đồng vay tài sản không xác định xác định thời hạn theo quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn khai đã đòi nợ nhiều lần nhưng chị **T** không trả nợ và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú; cắt đứt liên lạc với chị **N**. Mặc dù chị **N** không có tài liệu về việc chị **T** đã trả cho chị số tiền gốc là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) nhưng đây là lời khai nhận có lợi cho bị đơn, đồng thời, chị **N** cũng không yêu cầu giải quyết về việc này. Do đó căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc chị **T** phải trả cho chị **N** số tiền 590.000.000 đồng là phù hợp pháp luật.

[3.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị N** về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị **Trần Thị T**.

Buộc chị **Trần Thị T** có nghĩa vụ trả cho chị **Hoàng Thị N** số tiền nợ là 590.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi triệu đồng).

Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc chị **Trần Thị T** phải nộp 27.600.000 đồng (Hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị **Hoàng Thị N** số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 003132 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Hà;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng